**Đặc tả Use Case Đăng nhập**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC1100 | **Tên Use case** | Đăng nhập |
| **Tác nhân** | Khách vãng lai | | |
| **Mục đích** | Đăng nhập vào hệ thống | | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Tác nhân chọn chức năng đăng nhập | | |
| **Tiền điều kiện** | Không có | | |
| **Luồng sự kiện chính**  **(Thành công)** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | |  | Tác nhân | chọn chức năng Đăng nhập | |  | Hệ thống | hiển thị giao diện đăng nhập  Nếu tác nhân chọn chức năng quên mật khẩu sẽ gọi UC1120 | |  | Tác nhân | nhập email và mật khẩu (mô tả phía dưới \*) sau đó yêu cầu đăng nhập | |  | Hệ thống | * kiểm tra xem khách đã nhập các trường bắt buộc nhập hay chưa * kiểm tra email và mật khẩu có hợp lệ do khách nhập trong hệ thống hay không | |  | Hệ thống | Đăng nhập thành công | | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 5a. | Hệ thống | thông báo lỗi: Cần nhập các trường bắt buộc nhập nếu khách nhập thiếu | | 5b. | Hệ thống | thông báo lỗi: Email và/hoặc mật khẩu chưa đúng nếu không tìm thấy email và mật khẩu trong hệ thống | | 5c. | Hệ thống | thông báo lỗi: Tài khoản bị khoá, nếu email/mật khẩu đúng như tài khoản đang bị admin khoá. | | | |
| **Hậu điều kiện** | Hệ thống kiểm tra thông tin đăng nhập trùng khớp trong csdl, đăng nhập thành công | | |

Dữ liệu đầu vào của thông tin cá nhân gồm các trường dữ liệu sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Trường dữ liệu** | **Mô tả** | **Bắt buộc?** | **Điều kiện hợp lệ** | **Ví dụ** |
|  | Email |  | Có |  | duy@gmail.com |
|  | Mật khẩu |  | Có | Ít nhất 8 ký tự gồm chữ số và chữ cái, có ít nhất một ký tự viết hoa và một ký tự đặc biệt | Duyltu99#$ |

**Đặc tả UC lấy lại mật khẩu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | **UC1120** | **Tên Use case** | **Lấy lại mật khẩu** |
| **Tác nhân** | | Khách, Nhân viên, Quản lý | |
| **Mục đích Use case** | | Tác nhân lấy lại mật khẩu khi bị quên mật khẩu | |
| **Sự kiện kích hoạt** | | Tác nhân chọn chức năng quên mật khẩu | |
| **Tiền điều kiện** | | Tác nhân đã có tài khoản trong hệ thống | |
| **Luồng sự kiện chính (Thành công)** | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 1 | Tác nhân | Chọn chức năng quên mật khẩu | | 2 | Hệ thống | Hiển thị form yêu cầu tác nhân điền email, số điện thoại để kiểm tra tài khoản tồn tại hay không | | 3 | Tác nhân | Điền email hoặc số điện thoại | | 4 | Hệ thống | Kiểm tra tài khoản tương ứng email và số điện thoại có tồn tại hay không | | 5 | Hệ thống | Gửi mã OTP về email, số điện thoại | | 6 | Tác nhân | Xác nhận OTP | | 7 | Hệ thống | Hiển thị form lấy lại mật khẩu | | 8 | Tác nhân | Điền mật khẩu mới và nhập lại mật khẩu mới | | 9 | Hệ thống | Kiểm tra mật khẩu nhập lại và mật khẩu có trùng khớp hay không | | 10 | Hệ thống | Kiểm tra độ an toàn của mật khẩu | | 11 | Hệ thống | Thông báo lấy lại mật khẩu thành công, chuyển hướng sang trang đăng nhập | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 4a | Hệ thống | thông báo lỗi: tài khoản không tồn tại | | 4b | Tác nhân | điền lại thông tin email , số điện thoại | | 6a | Hệ thống | thông báo lỗi: mã OTP không đúng | | 9a | Hệ thống | thông báo lỗi : mật khẩu nhập lại và mật khẩu không trùng khớp | | 10a | Hệ thống | thông báo lỗi : Mật khẩu cần đảm bảo độ an toàn nếu mật khẩu không đảm bảo độ an toàn được quy định bởi hệ thống (có ít nhất 8 ký tự, trong đó có cả chữ cái thường và chữ cái hoa, ít nhất 1 chữ số và 1 ký tự đặc biệt) | | |
| **Hậu điều kiện** | | Hệ thống cập nhật lại mật khẩu | |

**Đặc tả UC Đăng ký**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã Use case** | UC1110 | **Tên Use case** | Đăng ký |
| **Tác nhân** | Khách vãng lai | | |
| **Mục đích** | Đăng ký tài khoản mới | | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Tác nhân chọn chức năng đăng ký | | |
| **Tiền điều kiện** | Không có | | |
| **Luồng sự kiện chính**  **(Thành công)** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | |  | Khách vãng lai | chọn chức năng Đăng ký | |  | Hệ thống | hiển thị giao diện đăng ký | |  | Khách vãng lai | nhập các thông tin cá nhân (mô tả phía dưới \*) | |  | Khách vãng lai | yêu cầu đăng ký | |  | Hệ thống | kiểm tra xem khách đã nhập các trường bắt buộc nhập hay chưa | |  | Hệ thống | kiểm tra địa chỉ email của khách có hợp lệ không | |  | Hệ thống | kiểm tra mật khẩu nhập lại và mật khẩu có trùng nhau hay không | |  | Hệ thống | kiểm tra mật khẩu có đủ mức độ an toàn hay không | |  | Hệ thống | lưu thông tin tài khoản và thông báo đăng ký thành công | | | |
| **Luồng sự kiện thay thế** | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thực hiện bởi** | **Hành động** | | 6a. | Hệ thống | thông báo lỗi: Cần nhập các trường bắt buộc nhập nếu khách nhập thiếu | | 7a. | Hệ thống | thông báo lỗi: Địa chỉ email không hợp lệ nếu địa chỉ email không hợp lệ | | 8a. | Hệ thống | thông báo lỗi: Mật khẩu xác nhận không trùng với Mật khẩu nếu hai mật khẩu không trùng nhau | | 9a. | Hệ thống | thông báo lỗi: Mật khẩu cần đảm bảo độ an toàn nếu mật khẩu không đảm bảo độ an toàn được quy định bởi hệ thống (có ít nhất 8 ký tự, trong đó có cả chữ cái thường và chữ cái hoa, ít nhất 1 chữ số và 1 ký tự đặc biệt) | | | |
| **Hậu điều kiện** | Hệ thống thêm thông tin vào cơ sở dữ liệu, thông báo đăng ký thành công | | |

\* Dữ liệu đầu vào của thông tin cá nhân gồm các trường dữ liệu sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Trường dữ liệu** | **Mô tả** | **Bắt buộc?** | **Điều kiện hợp lệ** | **Ví dụ** |
|  | Họ |  | Có |  | Đào |
|  | Tên |  | Có |  | Quang Duy |
|  | Email |  | Có | Địa chỉ email hợp lệ | duy@gmail.com |
| 4 | UserName |  | Có |  |  |
| 5 | Mật khẩu |  | Có | Ít nhất 8 ký tự, gồm cả chữ cái hoa và thường, ít nhất 1 chữ số và ký tự đặc biệt | Duyltu99#$ |
| 6 | Xác nhận mật khẩu |  | Có | Trùng với Mật khẩu | Duyltu99#$ |
| 7 | Ngày sinh | Chỉ chọn trong DatePicker | Có | Ngày hợp lệ | 12/12/1999 |
| 8 | Giới tính | Lựa chọn Nam hoặc Nữ | Có |  | Lựa chọn Nam |
| 9 | Số ĐT |  | Có | Số ĐT hợp lệ chỉ gồm số, dấu cách, dấu chấm hoặc dấu gạch ngang | 0912 345 678 |